

Số: 1166/2018/KDTM-ST

Ngày: 31-10-2018

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lữ Hà Minh

2. Bà Lê Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 20/2018/TLST-KDTM ngày 02 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2018/QĐXXST-KDTM ngày 28/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2018/QĐST-KDTM ngày 15/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ: Đường P, Phường L, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Xuân N, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy ngày 14 tháng 12 năm 2017) (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH L

Địa chỉ: Đường S, Phường Q, quận R, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Mai Ngọc T, là người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2018 của Công ty TNHH T và quá trình giải quyết vụ án ông Hà Xuân N là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Để đáp ứng cho việc thi công công trình nên Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là “Công ty T”) đã đặt hàng Công ty TNHH L (sau đây gọi tắt là “Công ty L”) cung cấp 09 loại thép với số lượng, chủng loại, đơn giá, phương thức thanh toán và giao

nhận hàng hóa theo Đơn đặt hàng số HL-Q.25.09.17 ngày 06/9/2017 với tổng giá trị là 165.330.000 đồng, đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%; Công ty L có nghĩa vụ giao hàng tại kho của Công ty T ngay sau khi nhận được thanh toán.

Ngày 07/9/2017 Công ty T đã thanh toán bằng chuyển khoản cho Công ty L 80.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty L đã không giao hàng như thỏa thuận. Để kịp đáp ứng nhu cầu thép cho việc thi công công trình của mình, Công ty T buộc phải mua thép của nhà cung ứng khác với mức giá cao hơn và yêu cầu Công ty L trả lại số tiền hàng đã ứng trước cùng với lãi chậm thanh toán. Sau đó, ông Mai Ngọc Thuận – Tổng giám đốc Công ty L đã thanh toán một phần lãi chậm trả và nợ gốc cho Công ty T như sau:

- Ngày 18/12/2017 thanh toán một phần lãi chậm trả là 2.857.600 đồng;
- Ngày 27/12/2017 thanh toán một phần nợ gốc 10.000.000 đồng;
- Ngày 09/10/2018 thanh toán một phần nợ gốc 10.000.000 đồng.

Do đó, tính đến ngày hôm nay, Công ty L phải trả cho Công ty T số tiền gốc là 60.000.000 đồng và lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 9%/năm trên số tiền chậm trả tính từ ngày 08/9/2017 đến ngày xét xử 31/10/2018 làm tròn là 01 năm 01 tháng là 2.992.400 đồng (5.850.000 đồng – 2.857.600 đồng). Tổng số tiền Công ty T yêu cầu Công ty L phải trả là 62.992.400 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn Công ty L nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh Công ty L vẫn còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh ở Đường S, Phường Q, quận R, Tp. Hồ Chí Minh, nhưng thực tế không còn treo biển hiệu. Do đó Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt giấy triệu tập đối với bị đơn theo qui định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

Công ty TNHH T khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đối với bị đơn Công ty TNHH L có địa chỉ kinh doanh tại Đường S, Phường Q, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn Công ty L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Hà Xuân N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều

227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ Đơn đặt hàng số HL-Q.25.09.17 ngày 06/9/2017 giữa Công ty TNHH T với Công ty TNHH L về việc cung cấp các loại thép. Công ty T đã chuyển tiền hàng ứng trước là 80.000.000 đồng cho Công ty L nhưng Công ty L đã không giao hàng như thỏa thuận, đã xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty T. Do đó, Công ty T yêu cầu Công ty L trả lại số tiền hàng đã ứng trước cùng với lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử là 62.992.400 đồng, trong đó tiền gốc là 60.000.000 đồng và lãi chậm thanh toán là 2.992.400 đồng, là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Phí và Lệ phí năm 2015, Công ty TNHH L phải chịu án phí sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Công ty TNHH T:

Buộc Công ty TNHH L phải thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền 62.992.400 (*Sáu mươi hai triệu chín trăm chín mươi hai ngàn bốn trăm*) đồng, bao gồm nợ gốc là 60.000.000 đồng và lãi chậm thanh toán là 2.992.400 đồng.

2. Về án phí:

- Công ty TNHH L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.149.620 (*Ba triệu một trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm hai mươi*) đồng.

- Công ty TNHH T không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.729.000 (*Hai triệu bảy trăm hai mươi chín*) đồng theo biên lai thu tiền số 09360 ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Công ty TNHH T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH L không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng Công ty TNHH L còn phải trả tiền lãi cho Công ty TNHH T trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Út